

Số: 198 /TB-ĐHLN-ĐTSĐH

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025, ĐỢT 2

Căn cứ Thông tư số 18/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1909/QĐ-ĐHLN-ĐTSĐH ngày 08/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025, đợt 2, như sau:

1. Ngành và chỉ tiêu tuyển sinh:

| TT | Chuyên ngành | Mã số | Dự kiến Chỉ tiêu |
|----|----------------------------|---------|------------------|
| 1 | Lâm sinh | 9620205 | 5 |
| 2 | Điều tra và quy hoạch rừng | 9620208 | 5 |
| 3 | Kỹ thuật cơ khí | 9520103 | 5 |
| 4 | Kỹ thuật chế biến lâm sản | 9549001 | 5 |
| 5 | Quản lý tài nguyên rừng | 9620211 | 5 |
| 6 | Kinh tế nông nghiệp | 9620115 | 5 |
| | Tổng chỉ tiêu | | 30 |

2. Thời gian, hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp là từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng).

Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường Đại học Lâm nghiệp, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

Hình thức đào tạo: Chính quy.

3. Thời gian, phương thức tuyển sinh (dự kiến):

3.1. Thời gian tuyển sinh:

Thời gian nhận hồ sơ: 01/5 – 30/7/2025

Thời gian công bố kết quả và nhập học: Tháng 8/2025

3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

4.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (*tại Phụ lục 10*);
- b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;
- c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu (*phụ lục 02*) và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (*phụ lục 03*).

4.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Giáo dục Đào tạo công bố.

4.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Hồ sơ dự tuyển

- a) Đơn đăng ký xét tuyển (*Phụ lục 01*);
- b) Bản sao (có công chứng) gồm: Bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học, bằng thạc sĩ và bảng điểm thạc sĩ;
- c) Bản sao (có công chứng) văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ;
- d) Dự thảo đề cương nghiên cứu (*Phụ lục 02*);
- e) Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (*Phụ lục 03*);
- f) Đề xuất người hướng dẫn (nếu có), kèm theo Bảng kê tiêu chuẩn hướng dẫn của người được đề xuất (*Phụ lục 04*);
- g) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu (*Phụ lục 05*);
- h) Bản sao căn cước công dân;
- j) Sơ yếu lý lịch (*Phụ lục 06*);

- k) Lý lịch khoa học (*Phụ lục 07*);
- l) Công văn cử đi xét tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (*Phụ lục 08*);
- m) Giấy công nhận văn bằng nước ngoài của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với văn bằng do nước ngoài cấp);
- n) Ảnh màu nền trắng cỡ 2x3 của người dự tuyển (4 ảnh, ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển trên phông bì đựng ảnh);
- o) Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính của thí sinh trong quá trình học tập tại Trường Đại học Lâm nghiệp (*Phụ lục 09*).

Mẫu hồ sơ tại QR gửi kèm.

6. Học phí và các chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh:

Học phí năm học 2024-2025 tại Phụ lục 11.

Chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo tiến sĩ tại Phụ lục 12.

7. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ nhận hồ sơ và thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 33 840541.

E-mail: nghiencuuinh@vnuf.edu.vn.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- PHTTr Phạm Minh Toại;
- Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân ngoài trường;
- Cổng thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

Mã QR mẫu hồ sơ



Phạm Minh Toại

Phụ lục 01
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Mẫu TS.NCS - 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh sau đại học
Trường Đại học Lâm nghiệp

Họ và tên:
Ngày sinh: Nơi sinh:
Số CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:

Số ĐT: Địa chỉ E-mail:

Hiện đang công tác/làm việc tại:

- Tên cơ quan/Đơn vị:
- Địa chỉ:

Đã tốt nghiệp Đại học:

- Năm tốt nghiệp: Ngành: Tại trường:
- Hệ: Chính quy ; Tại chức ; Chuyên tu ; Mở rộng ; Từ xa
- Xếp loại: Trung bình , Trung bình khá , Khá , Giỏi , Xuất sắc

(Đối với văn bằng nước ngoài phải có giấy chứng nhận của Bộ GD&ĐT cấp)

Đã tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có):

Năm tốt nghiệp: Ngành: Tại trường:

(Đối với văn bằng nước ngoài phải có giấy chứng nhận của Bộ GD&ĐT cấp)

Văn bằng/Chứng chỉ Ngoại ngữ:

- Văn bằng ; Chứng chỉ
- Năm tốt nghiệp/cấp: Ngành/ngôn ngữ: Tại trường/Trung tâm:

Thuộc đối tượng xét tuyển:

Công chức ; Viên chức ; Thủ sinh tự do ; Đơn vị kinh doanh

Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh:

- Ngành:

- Hình thức đào tạo Chính quy, thời gian: 03 năm 04 năm

Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với người dự tuyển và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đào tạo sau đại học của Nhà trường.

....., Ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan
(Ký tên, đóng dấu):

Người làm đơn:
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 01

Đơn đăng ký xét tuyển

Phụ lục 02

Dự thảo đề cương nghiên cứu

Phụ lục 03

Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa

Phụ lục 04

Đề xuất người hướng dẫn (nếu có), kèm theo Bảng kê tiêu chuẩn hướng dẫn của người
được đề xuất

Phụ lục 05

Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu

Phụ lục 06

Sơ yếu lý lịch

Phụ lục 07

Lý lịch khoa học

Phụ lục 08

Công văn cử đi xét tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào
tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)

Phụ lục 09

Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính của thí sinh trong quá trình học tập tại
Trường Đại học Lâm nghiệp

Phụ lục 10

Danh mục các ngành thạc sĩ và đại học phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển

Phụ lục 11

Học phí

Phụ lục 12

Chính sách hỗ trợ

Phụ lục 02

Ghi chú: Sau khi thí sinh đã liên lạc và nhận người hướng dẫn do Đơn vị chuyên môn giới thiệu, thí sinh và người hướng dẫn hoàn thiện bản Dự thảo đề cương nghiên cứu theo mẫu sau:

Mẫu TS.NCS - 28

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ

DƯ THẢO ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ

TÊN ĐỀ TÀI:

Ngành:

Mã số:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

1.
2.

Hà Nội, Năm

CẤU TRÚC ĐỀ CƯƠNG

- Mục lục.
- Ký hiệu viết tắt (nếu có).
- Danh mục các bảng.
- Danh mục các hình.

1. Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu
3. Mục tiêu nghiên cứu
4. Đối tượng, phạm vi, địa điểm và nội dung nghiên cứu
5. Phương pháp nghiên cứu
6. Dự kiến kết quả nghiên cứu
7. Kế hoạch thực hiện đề tài
8. Kết cấu chi tiết các chương, mục trong luận án

MỤC LỤC

KÝ HIỆU, VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH

MỞ ĐẦU

Chương 1

 1.1.

...

 Chương 2

 2.1.

...

 Chương 3

 a.

...

KẾT LUẬN

CÁC BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

....., ngày tháng năm 20....

Người hướng dẫn

Nghiên cứu sinh

DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

Phụ lục 03
MẪU KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Mẫu TS.NCS - 29

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Họ tên thí sinh:

Ngày sinh:

Tên đê tai (dự kiến):

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

| TT | Nội dung học tập, nghiên cứu | Tiến độ thực hiện | | | | Kết quả dự kiến |
|-------------------------|--|-------------------|----------|----------|----------|---|
| | | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 | |
| 1 | Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có) | | | | | Chứng nhận kế thúc học phần |
| 2 | Các học phần về phương pháp nghiên cứu | | | | | Chứng nhận kết thúc học phần |
| 3 | Thực hiện phần 1 của luận án | | | | | Công bố các bài báo và Bảo vệ luận án tại đơn vị chuyên môn |
| 4 | Thực hiện phần 2 của luận án | | | | | Thực hiện quy trình phản biện độc lập |
| 5 | Thực hiện phần 3 của luận án | | | | | Bảo vệ luận án cấp Trường |
| Khối lượng (Tín chỉ) | | | | | | |

Hà Nội, ngày tháng năm

Thí sinh

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

Họ tên thí sinh:

Ngày sinh:

Tên đề tài (dự kiến):

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

| TT | Nội dung học tập, nghiên cứu | Tiến độ thực hiện | | | Kết quả dự kiến |
|-------------------------|--|-------------------|----------|----------|---|
| | | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | |
| 1 | Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có) | | | | Chứng nhận kết thúc học phần |
| 2 | Các học phần về phương pháp nghiên cứu | | | | Chứng nhận kết thúc học phần |
| 3 | Thực hiện phần 1 của luận án | | | | Công bố các bài báo và Bảo vệ luận án tại đơn vị chuyên môn |
| 4 | Thực hiện phần 2 của luận án | | | | Thực hiện quy trình phản biện độc lập |
| 5 | Thực hiện phần 3 của luận án | | | | Bảo vệ luận án cấp Trường |
| Khối lượng (Tín chỉ) | | | | | |

Hà Nội, ngày tháng năm

Thí sinh

Phụ lục 04
MẪU ĐỀ XUẤT NGƯỜI HƯỚNG DẪN

Mẫu TS.NCS – 26a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ XUẤT NGƯỜI HƯỚNG DẪN VÀ ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
(Dùng cho thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh)

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh sau đại học
Trường Đại học Lâm nghiệp

Tên tôi là: , Ngày sinh: / /

Dự tuyển ngành: Mã số:

Điện thoại liên hệ: Email:

Tôi xin đề xuất người hướng dẫn khoa học, cụ thể:

- Họ tên người hướng dẫn 1:

+ Học vị: , Năm cấp:

+ Ngành/Chuyên ngành của học vị:

+ Học hàm: , Năm phong:

+ Đơn vị công tác:

- Họ tên người hướng dẫn 2 (nếu có):

+ Học vị: , Năm cấp:

+ Ngành/Chuyên ngành của học vị:

+ Học hàm: , Năm phong:

+ Đơn vị công tác:

Đề nghị Hội đồng xét tuyển, đơn vị chuyên môn và Nhà trường xem xét./.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Người được đề xuất là hướng dẫn nghiên cứu sinh cần đáp ứng quy định tại Điều 4, 5, 6 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

BẢNG KÊ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

Họ và tên: ... , Ngày sinh: .../.../...

Học vị: ... , Năm cấp: ...

Ngành/Chuyên ngành của học vị:

Học hàm: ... , Năm phong: ...

Số điện thoại:; Email: ...

Đơn vị công tác: ...

Số nghiên cứu sinh đang hướng dẫn: ...

**1. Bảng kê chi tiết các công bố khoa học là tác giả chính trong 5 năm
(tính đến thời điểm ra Quyết định cử người hướng dẫn)**

| TT | Tên tác giả | Tác giả chính (tác giả đứng đầu/tác giả liên hệ) | Tên bài báo | Tên tạp chí. Số ra | Năm công bố | Điểm công trình | Số ISSN/ISBN |
|--|-------------|--|-------------|--------------------|----------------|-----------------------|--------------|
| 1). Bài báo khoa học (đăng trên các tạp chí trong nước được tính điểm 0,75 trở lên nằm trong danh mục của HĐCDGSNN) | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| .. | | | | | | | |
| 2). Bài báo khoa học (đăng trên các tạp chí quốc tế nằm trong danh mục WoS/Scopus) | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| .. | | | | | | | |
| 3). Sách/Chương sách tham khảo do Nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành (nằm trong danh mục của HĐCDGSNN) | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| .. | | | | | | | |
| 4). Sách chuyên khảo do Nhà xuất bản trong nước và quốc tế có uy tín phát hành (nằm trong danh mục của HĐCDGSNN) | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| .. | | | | | | | |
| Tổng điểm công trình | | | | | | | |

2. Bảng kê chi tiết các Bằng độc quyền sáng chế Quốc gia hoặc Quốc tế là tác giả hoặc đồng tác giả trong 5 năm

(tính đến thời điểm ra Quyết định cử người hướng dẫn)

| TT | Tên tác giả | Chủ bằng độc quyền | Tên sáng chế | Cơ quan cấp; Nơi cấp | Số bằng | Số Quyết định cấp, ngày cấp |
|----|-------------|--------------------|--------------|----------------------|---------|-----------------------------|
| 1 | | | | | | |
| .. | | | | | | |

3. Bảng kê chi tiết thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên từ khi có bằng tiến sĩ
(đối với người chưa có học hàm giáo sư, phó giáo sư)

| TT | Kinh nghiệm (thời gian giảng dạy theo trình độ) | Tên học phần; Số tín chỉ | Thời gian giảng dạy (từ ngày .../.../... đến .../.../...) | Tên cơ sở đào tạo |
|-----|---|--------------------------|--|-------------------|
| 1 | Đại học | | | |
| ... | Thạc sĩ | | | |

Tôi xin cam đoan những nội dung đã khai ở trên là đúng sự thật, nếu có điều gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm

Người hướng dẫn được đề xuất

(ký và ghi rõ họ tên)

TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. Người hướng dẫn chính, hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định, cụ thể:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ, người hướng dẫn độc lập phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các án phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lâm nghiệp theo quy định của pháp luật; làm việc trong thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh;

4. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

5. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

Phụ lục 05
MẪU MINH CHỨNG KINH NGHIỆM NGHIÊN CỨU

Mẫu TS.NCS - 30

MINH CHỨNG KINH NGHIỆM NGHIÊN CỨU
NGUYỄN VĂN A

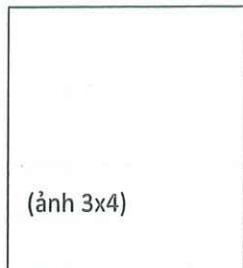
Ngành dự tuyển:

Thông tin liên hệ:

| TT | Danh mục minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu |
|-----|--|
| 1 | |
| 2 | |
| ... | |

Lưu ý:

- Các minh chứng được xếp theo thứ tự và đóng thành quyển. Đối với các bài báo/chương sách cần có trang bìa, mục lục và nội dung bài đã công bố.
- Cách ghi thông tin trong danh mục: Tên tác giả, tên đồng tác giả (năm công bố), "tên bài báo/công trình", Tên tạp chí/cơ quan/đơn vị công bố, số ra ấn phẩm, từ trang – trang, số ISSN/ISBN.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TỰ THUẬT

I. THÔNG TIN BẢN THÂN.

- | | |
|--|----------------------|
| 1. Họ và tên (chữ in hoa): | Giới tính: |
| 2. Ngày, tháng, năm sinh: | Nơi sinh: |
| 3. Điện thoại liên hệ: | Email: |
| 4. Dân tộc: | , Tôn giáo: |
| 5. Số CCCD/CMND: | Cấp ngày: , Nơi cấp: |
| 6. Số sổ bảo hiểm: | |
| 7. Nguyên quán (quê quán): | |
| 8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: | |
| 9. Địa chỉ nhận thông tin liên lạc: | |
| 10. Tên cơ quan/ đơn vị đang công tác: | |
| 12. Địa chỉ cơ quan/ đơn vị đang công tác: | |
| 13. Trình độ văn hóa: | |
| 14. Kết nạp Đoàn TNCS HCM: | , tại: |
| 15. Kết nạp Đảng CSVN: | , tại: |
| 16. Ngày nhập ngũ (QĐNDVN): | , ngày xuất ngũ: |
| 17. Khen thưởng/ Kỷ luật: | |

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.

2.1. Bậc đại học

| Từ tháng năm đến tháng năm | Tên trường hoặc cơ sở đào tạo | Ngành học | Hình thức đào tạo | Năm tốt nghiệp |
|----------------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|-------------------|
| ... | | | | |
| ... | | | | |

2.2. Bậc cao học (thạc sĩ)

| Từ tháng năm đến tháng năm | Tên trường hoặc cơ sở đào tạo | Ngành học | Hình thức đào tạo | Năm tốt nghiệp |
|----------------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|-------------------|
| ... | | | | |
| ... | | | | |

2.3. Trình độ ngoại ngữ

| Từ tháng năm đến tháng năm | Tên trường hoặc cơ sở đào tạo | Ngôn ngữ | Hình thức đào tạo (tên văn bằng/chứng chỉ) | Năm tốt nghiệp |
|----------------------------|-------------------------------|----------|---|----------------|
| ... | | | | |
| ... | | | | |

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Từ tháng năm đến tháng năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------------|-----------------|---------|
| ... | | |
| ... | | |

IV. QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột)

1. Họ và tên cha:

Năm sinh:

- Nghề nghiệp hiện nay:
- Cơ quan công tác:
- Chỗ ở hiện nay:

2. Họ và tên mẹ:

Năm sinh:

- Nghề nghiệp hiện nay:
- Cơ quan công tác:
- Chỗ ở hiện nay:

3. Họ và tên Anh/chị em ruột:

Năm sinh:

- Họ tên:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:

4. Họ và tên Vợ hoặc chồng:

Năm sinh:

- Họ tên:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:

5. Họ và tên các con:

Năm sinh:

- Họ tên:
- Nghề nghiệp:
- Chỗ ở hiện nay:

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm 20....

Xác nhận của cơ quan đang công tác
hoặc địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
.....

Phụ lục 07
MẪU LÝ LỊCH KHOA HỌC

Mẫu TS.NCS - 25

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

anh (3x4)

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho giảng viên tham gia đào tạo sau đại học)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Giới tính:
4. Quê quán:
5. Số CMTND:
6. Điện thoại nhà riêng; di động; E-Mail:
.....
7. Địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc:
.....
8. Số tài khoản, địa chỉ ngân hàng:
9. Mã số thuế cá nhân:
10. Học vị, năm và nơi công nhận học vị:
11. Học hàm, năm và nơi công nhận học hàm:
.....
12. Ngạch công chức/viên chức:
13. Chức vụ và đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
.....
14. Điện thoại cơ quan:
15. Tên và địa chỉ cơ quan/dơn vị công tác công tác:
.....

II. TRÌNH ĐỘ HỌC VĂN

2.1. Quá trình đào tạo (Tùy đại học trả lên)

| Ngày, tháng, năm tốt nghiệp/cấp | Chuyên ngành; mã số | Tên cơ sở đào tạo | Nơi đào tạo |
|---------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|
| a) Đại học | | | |
| ... | | | |
| b) Thạc sĩ | | | |

| | | | |
|------------|--|--|--|
| ... | | | |
| c) Tiết sĩ | | | |
| ... | | | |

2.2. Trình độ ngoại ngữ, Tin học

| Ngày, tháng, năm tốt nghiệp/cấp | Trình độ | Tên cơ sở đào tạo | Nơi đào tạo |
|---------------------------------|----------|-------------------|-------------|
| a) Ngoại ngữ | | | |
| ... | | | |
| b) Tin học | | | |
| ... | | | |

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian | Nơi công tác | Vị trí đảm nhiệm |
|-----------|--------------|------------------|
| 1 | | |
| ... | | |

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4.1. Kinh nghiệm nghiên cứu và các công trình khoa học đã công bố

4.1.1. Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo

| Năm xuất bản | Tên sách/loại sách | Mức độ tham gia (chủ biên, đồng tác giả) | Tên Nhà xuất bản; Tên Quốc gia nơi xuất bản |
|--------------|--------------------|---|--|
| a) | Sách tham khảo | | |
| ... | | | |
| b) | Sách chuyên khảo | | |
| ... | | | |
| c) | Giáo trình | | |
| ... | | | |
| d) | Các loại sách khác | | |
| ... | | | |

4.1.2. Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và nước ngoài

| TT | Tên bài báo | Tên tạp chí, Số phát hành, năm phát hành, Quốc gia nơi phát hành (đối với các ấn phẩm nước ngoài) | Mức độ tham gia (là tác giả đứng đầu/tác giả liên hệ/dòng tác giả) | Website (nếu có) |
|-----|--|--|---|------------------|
| a) | Công bố trên các tạp chí khoa học trong nước | | | |
| ... | | | | |
| b) | Công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài | | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| ... | | | |
|-----|--|--|--|

4.2. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp đã thực hiện

| Thời gian thực hiện (năm bắt đầu và kết thúc) | Tên chương trình, đề tài, mã số đề tài | Mức độ tham gia | Cấp quản lý đề tài | Năm nghiệm thu |
|--|---|--------------------|--------------------------|----------------------|
| ... | | | | |
| ... | | | | |

4.3. Kinh nghiệm tham gia đào tạo

4.3.1. Đã tham gia giảng dạy từ bậc đại học trở lên trong nước và nước ngoài

| Thời gian (từ ././ đến ././) | Tên môn học | Bậc đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|---------------------------------|-------------|-------------|---------------|
| ... | | | |
| ... | | | |

4.3.2. Số học viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công:

| Họ tên học viên/NCS | Tên đề tài/luận văn/luận án | Cơ sở đào tạo | Bậc đào tạo | Năm bảo vệ | Vai trò hướng dẫn |
|------------------------|--------------------------------|------------------|----------------|---------------|-------------------------|
| a) | Bậc Đại học | | | | |
| ... | | | | | |
| b) | Bậc Thạc sĩ | | | | |
| ... | | | | | |
| c) | Bậc Tiến sĩ | | | | |
| ... | | | | | |

4.3.4. Lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành/chuyên ngành

.....

.....

.....

4.3.5. Hướng nghiên cứu của đề tài luận văn có thể hướng dẫn

.....

.....

.....

4.3.6. Lĩnh vực chuyên môn có thể tham gia hội đồng chấm luận văn

.....

.....

*Tôi cam đoan mọi thông tin khai trên là hoàn toàn đúng sự thật và xin chịu
hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.*

Hà nội, ngày tháng..... năm 20...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(nơi công tác)

Người khai ký tên

Phụ lục 08

MẪU CÔNG VĂN CÔNG VĂN CỬ ĐI XÉT TUYỂN CỦA CƠ QUAN

Mẫu TS.NCS - 22

TÊN CƠ QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Sđt:/...

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh sau đại học
Trường Đại học Lâm nghiệp

Cơ quan:

Đồng ý cử Ông / bà:

Sinh ngày: Nơi sinh

Hiện nay phụ trách công việc

Ông / bà đã công tác tại từ: ... / ... /
..... đến ... / ... / Nay cử Ông/bà đến Trường Đại
học Lâm nghiệp xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ năm đợt Vậy, đề nghị Hội
đồng xem xét để ông/bà được làm các thủ tục xét tuyển
theo Quy định./.

Xin trân trọng cảm ơn!

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 09

MẪU BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

Mẫu TS.NCS - 23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

(Thực hiện nghĩa vụ tài chính khi trúng tuyển nghiên cứu sinh)

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh sau đại học
Trường Đại học Lâm nghiệp

Tên tôi là: ngày sinh / ... /

Đơn vị công tác:

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại liên lạc: Email:

Tôi cam kết khi trúng tuyển nghiên cứu sinh tại Trường Đại học lâm nghiệp:

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Nhà trường và pháp luật về cam kết của mình./.

....., Ngày tháng năm
Người cam kết

Phụ lục 10

**DANH MỤC CÁC NGÀNH THẠC SĨ VÀ ĐẠI HỌC PHÙ HỢP TƯƠNG
ÚNG VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

1. Ngành Quản lý tài nguyên rừng:

| Đại học | | | Thạc sĩ | | |
|----------------|----------------------------------|--------------|----------------|----------------------------------|--------------|
| Stt | Tên ngành | Mã số | Stt | Tên ngành | Mã số |
| 1 | Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 | 1 | Quản lý tài nguyên rừng | 8620211 |
| 2 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 | 2 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 8850101 |
| 3 | Quản lý tài nguyên thiên nhiên | 72908532A | 3 | Khoa học môi trường | 60440301 |
| 4 | Lâm học | 7620201 | 4 | Lâm học | 60620201 |
| 5 | Lâm sinh | 7620205 | 5 | Lâm sinh | D620205 |
| 6 | Bảo vệ thực vật | 7620112 | 6 | Quản lý đất đai | 60850103 |
| 7 | Lâm nghiệp đô thị | 7620202 | 7 | Lâm nghiệp đô thị | D620201 |
| 8 | Khuyến nông | 7620102 | 8 | Lâm học nhiệt đới (CTTT) | |
| 9 | Lâm nghiệp | D620201 | | | |
| 10 | Khoa học môi trường | 7440301 | | | |

2. Ngành Lâm sinh:

| Đại học | | | Thạc sĩ | | |
|----------------|----------------------------------|--------------|----------------|----------------------------------|--------------|
| Stt | Tên ngành | Mã số | Stt | Tên ngành | Mã số |
| 1 | Bảo vệ thực vật | 7620112 | 1 | Công nghệ sinh học | 60420201 |
| 2 | Công nghệ sinh học | 7420201 | 2 | Khoa học môi trường | 60440301 |
| 3 | Khoa học cây trồng | 7620110 | 3 | Khoa học cây trồng | 7620110 |
| 4 | Khoa học đất | 7620103 | 4 | Khoa học đất | 7620103 |
| 5 | Khoa học môi trường | 7440301 | 5 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 8850101 |
| 6 | Khuyến nông | 7620102 | 6 | Quản lý đất đai | 60850103 |
| 7 | Kỹ thuật sinh học | 7420202 | 7 | Quản lý tài nguyên rừng | 8620211 |
| 8 | Lâm nghiệp | D620201 | 8 | Lâm nghiệp | D620201 |
| 9 | Lâm nghiệp đô thị | 7620202 | 9 | Lâm học nhiệt đới (CTTT) | |
| 10 | Nông nghiệp | 7620101 | | | |
| 11 | Phát triển nông thôn | 7620116 | | | |
| 12 | Quản lý đất đai | 60850103 | | | |
| 13 | Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 | | | |
| 14 | Quản lý tài nguyên thiên nhiên | 72908532A | | | |
| 15 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 | | | |
| 16 | Sinh học ứng dụng | 7420203 | | | |
| 17 | Lâm nghiệp xã hội | | | | |
| 18 | Lâm sinh tổng hợp | | | | |

| Đại học | | | Thạc sĩ | | |
|---------|-------------------|-------|---------|-----------|-------|
| Số | Tên ngành | Mã số | Số | Tên ngành | Mã số |
| 19 | Kỹ thuật lâm sinh | | | | |

3. Ngành Điều tra và quy hoạch rừng:

| Đại học | | | Thạc sĩ | | |
|---------|----------------------------------|-----------|---------|----------------------------------|----------|
| Số | Tên ngành | Mã số | Số | Tên ngành | Mã số |
| 1 | Lâm học | 7620201 | 1 | Lâm học | 60620201 |
| 2 | Lâm sinh | 7620205 | 2 | Lâm sinh | D620205 |
| 3 | Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 | 3 | Quản lý đất đai | 60850103 |
| 4 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 | 4 | Quản lý tài nguyên rừng | 8620211 |
| 5 | Lâm nghiệp đô thị | 7620202 | 5 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 8850101 |
| 6 | Khuyến nông | 7620102 | 6 | Khoa học đất | 7620103 |
| 7 | Khoa học môi trường | 7440301 | 7 | Khoa học cây trồng | 7620110 |
| 8 | Quản lý tài nguyên thiên nhiên | 72908532A | 8 | Lâm nghiệp | D620201 |
| 9 | Công nghệ sinh học | 7420201 | 9 | Khoa học môi trường | 60440301 |
| 10 | Kỹ thuật sinh học | 7420202 | 10 | Công nghệ sinh học | 60420201 |
| 11 | Nông nghiệp | 7620101 | 11 | Lâm học nhiệt đới (CTTT) | |
| 12 | Sinh học ứng dụng | 7420203 | | | |
| 13 | Bảo vệ thực vật | 7620112 | | | |
| 14 | Phát triển nông thôn | 7620116 | | | |
| 15 | Khoa học cây trồng | 7620110 | | | |
| 16 | Lâm nghiệp | D620201 | | | |
| 17 | Quản lý đất đai | 60850103 | | | |

4. Ngành Kinh tế nông nghiệp:

Danh mục các ngành đúng và phù hợp bao gồm:

+ Ngành/chuyên ngành đúng: Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế lâm nghiệp, Kinh tế Nông Lâm, Kinh tế Thủy lợi, Kinh tế Phát triển nông thôn.

+ Ngành/chuyên ngành phù hợp, gồm 2 nhóm:

Nhóm 1: Quản trị kinh doanh (tổng hợp và các lĩnh vực); Quản lý kinh tế; Kinh doanh; Phát triển nông thôn; Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế; Kế toán; Tài chính; Marketing; Thống kê; Quản lý đất đai; Luật kinh tế.

Nhóm 2: Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Chế biến Lâm sản; Quản lý tài nguyên rừng; Thủy lợi; Thủy sản; Chăn nuôi; Thú y; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Khoa học môi trường; Công tác xã hội; Công thôn.

Đối với người đã có bằng tốt nghiệp thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành phù hợp, Nhà trường sẽ căn cứ vào kết quả học tập ở bậc thạc sĩ của từng ứng viên để xác định những môn học bổ sung cho từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đảm bảo mỗi ứng viên phải được học những môn học cốt lõi tối thiểu trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp hiện hành để đảm bảo chuẩn đầu vào.

5. Ngành Kỹ thuật chế biến lâm sản:

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng thạc sĩ hoặc đại học với ngành tốt nghiệp phù hợp với ngành Kỹ thuật Chế biến lâm sản.

Ngành phù hợp: Là những hướng đào tạo chuyên sâu thuộc ngành Kỹ thuật chế biến lâm sản (xác định theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục - Đào tạo đối với ứng viên đã có bằng thạc sĩ và Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với ứng viên chỉ có bằng đại học) cụ thể gồm: thạc sĩ Kỹ thuật chế biến lâm sản (mã ngành 8549001), tốt nghiệp đại học ngành Công nghệ chế biến lâm sản (mã ngành 7549001); hoặc/và trước đây là Thạc sĩ Kỹ thuật máy, thiết bị và công nghệ gỗ, giấy (mã ngành 605224). Đối với đối tượng tuyển sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp thì được dự tuyển mà không phải học bổ sung kiến thức chương trình thạc sĩ Kỹ thuật chế biến lâm sản.

Chú ý: Với những ứng viên khác, theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Đào tạo không xác định được, không thuộc ngành phù hợp, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/Viện sẽ xác định và đề xuất cụ thể với Nhà trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp sẽ quyết định.

6. Ngành Kỹ thuật cơ khí:

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng thạc sĩ hoặc đại học với ngành tốt nghiệp phù hợp hoặc gần phù hợp với ngành Kỹ thuật Cơ khí.

- Ngành phù hợp: Là những hướng đào tạo chuyên sâu thuộc ngành Kỹ thuật Cơ khí (xác định theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục - Đào tạo đối với ứng viên đã có bằng thạc sĩ và Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với ứng viên chỉ có bằng đại học). Đối với đối tượng tuyển sinh có ngành phù hợp thì được dự tuyển mà không phải học bổ sung kiến thức.

- Ngành gần: Là những hướng đào tạo chuyên sâu thuộc các ngành khác gần với ngành Kỹ thuật Cơ khí (xác định theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với ứng viên đã có bằng thạc sĩ và Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với ứng viên chỉ có bằng đại học). Đối với đối tượng tuyển sinh có ngành gần trước khi dự tuyển vào làm tiến sỹ phải học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học và (hoặc) cao học theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

Chú ý: Với những ứng viên khác, theo Thông tư số Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Đào tạo không xác định được, Hội đồng khoa học Khoa sẽ xác định và đề xuất cụ thể với Nhà trường.

Phụ lục 11
MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Thông báo số/TB-ĐH&LN-ĐTSĐH ngày/.../20...)

| Số TT | Mã ngành | Ngành đào tạo | Mức học phí niên chế (Đồng/NCS/tháng) | Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/NCS/tín chỉ) |
|----------|----------|----------------------------|--|---|
| 1 | 9520103 | Kỹ thuật cơ khí | 4.100.000 | 1.367.000 |
| 2 | 9549001 | Kỹ thuật chế biến lâm sản | 4.100.000 | 1.367.000 |
| 3 | 9620115 | Kinh tế nông nghiệp | 4.100.000 | 1.367.000 |
| 4 | 9620205 | Lâm sinh | 4.100.000 | 1.367.000 |
| 5 | 9620208 | Điều tra và quy hoạch rừng | 4.100.000 | 1.367.000 |
| 6 | 9620211 | Quản lý tài nguyên rừng | 4.100.000 | 1.367.000 |

Ghi chú: Mức học phí có thể thay đổi theo năm học do Hội đồng trường quy định

Phụ lục 12
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU SINH
(Kèm theo Thông báo số/TB-ĐHLN-ĐTSĐH ngày/..../20...)

Hỗ trợ đăng bài báo

| STT | Nội dung | Mức chi |
|-----|---|-----------|
| 1 | <i>Bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh sách của ISI, SCOPUS từ các hoạt động KHCN có kinh phí, bài báo của nghiên cứu sinh có ghi rõ đơn vị công tác của tác giả là Trường Đại học Lâm nghiệp</i> | |
| - | Tác giả chính | 1.000.000 |
| - | Đồng tác giả | 500.000 |
| 2 | <i>Tác giả bài báo là nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên lấy địa chỉ Trường Đại học Lâm nghiệp: Tính chung cho tất cả các tác giả trong 1 bài báo (không thường cho giáo viên hướng dẫn)</i> | |
| - | Tác giả, các đồng tác giả là các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên của trường Đại học Lâm nghiệp có Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế | 2.000.000 |
| - | Tác giả, các đồng tác giả là các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên của trường Đại học Lâm nghiệp có Bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước ban hành gần nhất | 500.000 |

Ghi chú: Mức hỗ trợ có thể thay đổi theo năm học do Hội đồng trường quy định